

Mô tả thực trạng sử dụng y học cổ truyền của người dân tại tỉnh Nam Định năm 2021

DESCRIBE THE CURRENT SITUATION OF USING TRADITIONAL MEDICINE OF PEOPLE IN NAM DINH PROVINCE IN 2021

Lê Thu Hiền, Đoàn Quang Huy

Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng y học cổ truyền của người dân tỉnh Nam Định từ năm 2019 – 2021.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả cắt ngang dựa trên việc phỏng vấn người dân tại hộ gia đình bằng phiếu phỏng vấn có cấu trúc nhằm khảo sát thực trạng sử dụng YHCT của người dân từ tháng 6/2021 đến hết tháng 10/2021. Tiêu chuẩn sử dụng trong nghiên cứu là đại diện hộ gia đình nắm vững các thông tin về tình trạng sức khỏe và chăm sóc sức khỏe của các thành viên trong hộ gia đình. Số liệu sau thu thập được nhập vào Excel, làm sạch, export sang phần mềm SPSS 23.0.

Kết quả: Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng YHCT trong 3 năm qua là 86,9%, chủ yếu sử dụng phương pháp kết hợp YHCT và YHHĐ với 51,7%, tỷ lệ sử dụng YHCT đơn thuần chiếm 48,3%. Mục đích chính người dân sử dụng YHCT là để chữa bệnh với 51,9%, tỷ lệ thấp dùng để chữa bệnh sau khi chữa bệnh bằng YHHĐ không khỏi với 3,4%. Lý do chính người dân chọn YHCT là bệnh mãn tính với 71,1%, lý do người dân không dùng YHCT chủ yếu là do bất tiện khi sử dụng. Hình thức thuốc YHCT được người dân sử dụng nhiều nhất với 44,2% người lựa chọn, các phương pháp không dùng thuốc chiếm tỷ lệ thấp nhất với 24,0% người lựa chọn. Hộ gia đình có trồng cây thuốc nam chiếm tỷ lệ 58,6%.

Từ khóa: Thực trạng, y học cổ truyền.

SUMMARY

Objective: Describe the current situation of using traditional medicine by people in Nam Dinh province from 2019 to 2021.

Methods: The study was conducted according to a cross-sectional descriptive method based on interviewing people at households with structured questionnaires to survey the actual use of traditional medicine of people from January 2019 to the end of October 2021. The standard used in the study is representative of the household that organizes information about the health status and health performance of household members. Numbers after entering data collection into Excel, cleaning, exporting to SPSS 23.0 software. Algorithm to

Ngày nhận bài: 15/08/2022

Ngày phản biện: 18/08/2022

Ngày chấp nhận đăng: 31/08/2022



use: frequency, percentage, when squared. Applying the 50% confidence threshold, the results are statistically significant when $p < 0.05$.

Results: The percentage of households using traditional medicine in the past 3 years was 86.9%, mainly using the combined method of traditional medicine and modern medicine with 51.7%, the rate of using traditional medicine alone accounted for 48.3%. The main purpose of people using traditional medicine is to treat diseases with 51.9%, a low rate is used to treat diseases after treatment with traditional medicine does not cure with 3.4%. The main reason people choose traditional medicine is a chronic disease with 71.1%, the reason people don't use traditional medicine is mainly because of the inconvenience when using it. The form of traditional medicine is the most used by the people with 44.2% of the people choosing, the non-drug methods account for the lowest proportion with 24.0% of the people choosing. Households growing medicinal plants account for 58.6%.

Keywords: Reality, traditional medicine.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong những quốc gia có truyền thống lâu đời về y học cổ truyền. Nền y học cổ truyền Việt Nam đã trải dài theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trên cơ sở tiếp thu và phát triển tinh hoa y học phương Đông, cha ông ta đã xây dựng các phương pháp chẩn đoán và điều trị để vận dụng trong việc khám, chữa bệnh cũng như phòng bệnh phù hợp với người dân [1]. Nhận thức rõ vai trò của y học cổ truyền, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra chủ trương, đường lối, chính sách để kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại nhằm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, coi y học cổ truyền là y học cách mạng đã được khẳng định trong suốt quá trình hình thành, phát triển y học Việt Nam [2].

Trong những năm gần đây, ngành y tế Nam Định đã có những bước phát triển lớn về chất lượng khám chữa bệnh. Tuy nhiên y học cổ truyền Nam Định cũng phải đối mặt với những khó khăn tương tự như y học cổ truyền của các địa phương trong cả nước. Do đó, việc nghiên cứu về thực trạng sử dụng y học cổ truyền trong cộng đồng dân cư ở Nam Định sẽ cung cấp cho chúng ta những thông tin quý báu về tình hình thái độ, kiến thức của người dân đối với y học cổ truyền.

Xuất phát từ thực tiễn lâm sàng đó, chúng tôi

tiến hành thực hiện đề tài “Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sử dụng y học cổ truyền của người dân tại tỉnh Nam Định năm 2021” với mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng y học cổ truyền của người dân tỉnh Nam Định từ năm 2019-2021.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện tại 3 huyện/ thị của tỉnh Nam Định từ tháng 6/2021 đến hết tháng 10/2021. Loại trừ người dưới 18 tuổi và không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Thiết kế nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang với cỡ mẫu nghiên cứu là 1440 người dân đại diện hộ gia đình. Thông qua việc phỏng vấn người dân bằng phiếu phỏng vấn có cấu trúc nhằm khảo sát thực trạng sử dụng y học cổ truyền của người dân và một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng y học cổ truyền.

Các số liệu được hỗ trợ xử lý bằng các phần mềm Microsoft Excel 2007 và SPSS 23.0 (với các thuật toán: tần số, tỷ lệ phần trăm, khi bình phương, ngưỡng độ tin cậy 50%, kết quả có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$).

KẾT QUẢ

Sau khi thu thập và xử lý số liệu, chúng tôi nhận

thấy các đối tượng nghiên cứu có một số đặc điểm chung như sau:

Trong vòng 3 năm từ 2019-2021, tỷ lệ HGĐ sử dụng YHCT trong phòng và chữa bệnh trong

3 năm qua là 86,9%. Cao nhất ở huyện Nam Trực với 89% HGĐ đã sử dụng YHCT, tiếp đến là huyện Nghĩa Hưng (88,1%), TP. Nam Định có 83,8% HGĐ đã sử dụng YHCT.

Bảng 1. Tỷ lệ sử dụng YHCT của hộ gia đình từ năm 2019 - 2021

Tỷ lệ sử dụng YHCT	Nghĩa Hưng		TP. Nam Định		Nam Trực		Tổng cộng	
	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
Có	423	88,1	402	83,8	427	89,0	1.252	86,9
Không	57	11,9	78	16,2	53	11,0	188	13,1
Tổng	480	100,0	480	100,0	480	100,0	1.440	100,0

Kết quả thống kê ở bảng 2 cho thấy, chủ yếu người dân lựa chọn YHCT để chữa bệnh (51,9%), tiếp đến là để chữa bệnh kết hợp bồi bổ nâng cao sức khỏe (26,1%). Tỷ lệ thấp người dân dùng YHCT để chữa bệnh sau khi chữa bằng y học hiện đại (3,4%).

Bảng 2. Mục đích sử dụng YHCT của người dân

Mục đích sử dụng YHCT	Nghĩa Hưng		TP. Nam Định		Nam Trực		Tổng cộng	
	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
Chữa bệnh	218	51,5	203	50,5	229	53,6	650	51,9
Bồi bổ	85	20,1	67	16,6	80	18,7	232	18,6
Kết hợp bồi bổ và nâng cao sức khỏe	110	26,0	111	27,6	106	24,8	327	26,1
Chữa bệnh sau khi chữa bệnh bằng y học hiện đại	10	2,4	21	5,3	12	2,9	43	3,4
Tổng	423	100,0	402	100,0	427	100,0	1252	100,0

Trong đó đa số người dân sử dụng YHCT theo hình thức thuốc là cao nhất với 44,2% người lựa chọn, tiếp đến là kết hợp thuốc và phương pháp không dùng thuốc với 31,8% người lựa chọn, thấp nhất là phương pháp không dùng thuốc với 24,0% người lựa chọn.



Bảng 3. Hình thức sử dụng YHCT của người dân

Hình thức sử dụng YHCT	Nghĩa Hưng		TP. Nam Định		Nam Trực		Tổng cộng	
	(n)	%	(n)	%	(n)	%	(n)	%
Thuốc	190	45,0	155	38,6	209	48,9	554	44,2
Không dùng thuốc	109	25,8	110	27,4	81	19,0	300	24,0
Kết hợp	124	29,2	137	34,0	137	32,1	398	31,8
Tổng	423	100,0	402	100,0	427	100,0	1252	100,0

Số liệu bảng 4 cho thấy các lý do chính người dân lựa chọn YHCT để phòng bệnh và điều trị bao gồm bệnh mạn tính (71,1%), chi phí thấp (69,0%), bố (68,2%). Lý do bệnh nặng và bệnh cấp tính được lựa chọn thấp với tỷ lệ 26,8% người dân chọn lý do bệnh nặng, 28,7% chọn do bệnh cấp tính.

Bảng 4. Lý do lựa chọn YHCT của người dân

Lý do có sử dụng YHCT	Nghĩa Hưng n=423		TP. Nam Định n=402		Nam Trực n=427		Tổng cộng n=1252	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Bệnh nhẹ	241	57,0	220	54,7	244	57,1	705	56,3
Bệnh nặng	118	27,9	105	26,1	112	26,2	335	26,8
Bệnh cấp tính	122	28,8	117	29,1	120	28,1	359	28,7
Bệnh mạn tính	302	71,4	281	70,0	307	71,9	890	71,1
Bố	288	68,2	272	67,7	258	60,4	854	68,2
Chi phí thấp	292	69,0	278	69,2	294	68,9	864	69,0
Sẵn có dễ tìm	264	62,4	251	62,4	260	60,9	775	61,9
Không kháng thuốc	268	63,4	254	63,2	224	52,5	746	59,6
Không tác dụng phụ	260	61,2	248	61,7	210	49,2	718	57,3

Trong đó nhóm bệnh được điều trị bằng YHCT nhiều nhất là nhóm bệnh hệ xương khớp và mô liên kết chiếm 41,1%, thấp nhất là nhóm hệ sinh dục tiết niệu chiếm 1,9%.

Bảng 5. Tỷ lệ nhóm bệnh được điều trị bằng YHCT

Nhóm bệnh thường mắc	Nghĩa Hưng		TP. Nam Định		Nam Trực		Tổng cộng	
	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
Bệnh hệ tuần hoàn	50	5,8	90	10,8	121	13,4	261	10,0
Hệ hô hấp	100	11,6	132	15,8	90	10,0	322	12,4



Nhóm bệnh thường mắc	Nghĩa Hưng		TP. Nam Định		Nam Trực		Tổng cộng	
	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
Hệ tiêu hóa	138	16,0	37	4,4	86	9,5	261	10,0
Hệ sinh dục tiết niệu	10	1,2	16	1,9	24	2,7	50	1,9
Hệ xương khớp và mô liên kết	375	43,4	340	40,8	353	39,1	1068	41,1
Hệ thần kinh	98	11,3	153	18,4	150	16,6	401	15,4
Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và rối loạn chuyển hóa	58	6,7	31	3,7	35	3,9	124	4,8
Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	21	2,4	12	1,4	23	2,5	56	2,2
Bệnh khác	15	1,7	22	2,6	21	2,3	58	2,2
Tổng	865	100,0	833	100,0	903	100,0	2601	100,0

Tỷ lệ nhóm trong vườn nhà có cây thuốc nam chiếm tỷ lệ cao hơn nhóm trong vườn nhà không có cây thuốc nam với tỷ lệ lần lượt là 55,7%;44,3%.

Bảng 6. Tỷ lệ trồng cây thuốc nam trong vườn nhà của người dân

Trong vườn nhà có cây thuốc nam không	Nghĩa Hưng		TP. Nam Định		Nam Trực		Tổng cộng	
	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
Có	288	60	200	41,7	314	65,4	802	55,7
Không có	192	40	280	58,3	166	34,6	638	44,3
Tổng	480	100	480	100	480	100	1440	100,0

BÀN LUẬN

Tỷ lệ sử dụng y học cổ truyền của hộ gia đình từ năm 2019 – 2021 là 86,9%. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Tôn Mạnh Cường tại Vĩnh Phúc 65,0% [3]. Sự khác nhau về kết quả trong các nghiên cứu trên có lẽ do thời điểm, địa bàn nghiên cứu và do cách chọn mẫu khác nhau. Trong số hộ gia đình đã sử dụng YHCT không có sự khác biệt nhiều về tỷ lệ sử dụng giữa các huyện trong nghiên cứu: huyện Nam Trực 89%, huyện Nghĩa Hưng 88,1% và TP. Nam Định 83,8%. Để lý giải điều này, trước hết ta thấy: Nam Định là vùng đồng bằng, cây thuốc có sẵn lại là

vùng đất có truyền thống lâu đời về YHCT. Các hộ gia đình trồng cây thuốc nhiều. Trong nghiên cứu này có 55,7% hộ dân của 3 huyện thị có cây thuốc nam trong vườn nhà.

Kết quả điều tra cho thấy người dân lựa chọn YHCT với mục đích chính là chữa bệnh (51,9%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Trung Kiên có 85,5% người dân lựa chọn thuốc YHCT với mục đích chữa bệnh [4]. Nhóm bệnh hệ cơ xương khớp và mô liên kết được sử dụng nhiều nhất với 41,1%. Các kết quả nghiên cứu này có thể xem là dấu hiệu cho thấy ngày nay người dân đã tin tưởng vào kết quả điều trị bằng



y học cổ truyền. Người dân sử dụng YHCT theo hình thức thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất 44,2%. Kết quả này có nét tương đồng với Đặng Thị Phúc tại Hưng Yên [5]. Lý do chính người dân lựa chọn y học cổ truyền là do bệnh mãn tính 71,1%. Ngược lại, người dân không sử dụng y học cổ truyền chủ yếu là do tính bất tiện khi sử dụng. Do vậy, để người dân sử dụng YHCT nhiều hơn, các nhà chức năng cần đầu tư trang thiết bị, phục vụ việc bào chế thuốc sao cho người dùng không cảm thấy YHCT bất tiện khi sử dụng.

Tóm lại, từ các kết quả trên đây cho thấy đối với một bộ phận không nhỏ người dân, sử dụng y học cổ truyền có những lợi thế nhất định trong điều trị bệnh. Qua đây cũng cho thấy, muốn người dân sử dụng y học cổ truyền nhiều hơn cần đẩy mạnh truyền thông để người dân hiểu rõ được tác dụng và lợi ích, ưu thế của y học cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ sử dụng YHCT của hộ gia đình từ năm 2019 – 2021 là 86,9%.

Mục đích chính người dân sử dụng YHCT để chữa bệnh YHCT là để chữa bệnh (51,9%) và để chữa bệnh kết hợp bồi bổ sức khỏe (26,1%), tỷ lệ thấp dùng để chữa bệnh sau khi chữa bệnh bằng YHHĐ không khỏi (3,4%).

Lý do chính người dân chọn YHCT là bệnh mãn tính (71,1%), chi phí thấp (69,0%), bổ (68,2%).

Nhóm bệnh hệ xương khớp và mô liên kết chiếm 41,1%, thấp nhất là nhóm hệ sinh dục tiết niệu chiếm 1,9%.

Hình thức thuốc YHCT được người dân sử dụng nhiều nhất với tỷ lệ 44,2%, hình thức kết hợp thuốc và các phương pháp không dùng thuốc chiếm 31,8%, phương pháp không dùng thuốc chiếm tỷ lệ thấp nhất với 24,0%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hội Đông Y tỉnh Kon Tum (2013)**, Thực trạng công tác y học cổ truyền, những giải pháp phát triển mạng lưới YHCT trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học năm 2013.
- Sở Y tế Nam Định (2013)**, Báo cáo số 704/BC – SYT ngày 28/6/2013 về sơ kết 5 năm thực hiện chỉ thị 24- CT/TW ngày 04/7/2008 của Ban Bí thư về phát triển Đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới.
- Tôn Mạnh Cường (2013)**, Thực trạng sử dụng YHCT tuyến xã, phường thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, Luận văn thạc sỹ y học, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.
- Nguyễn Trung Kiên (2014)**, Thực trạng y học cổ truyền tại tuyến xã huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2014, Luận văn thạc sỹ y học, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.
- Đặng Thị Phúc (2002)**, Thực trạng sử dụng y học cổ truyền tại tỉnh Hưng Yên, Luận văn thạc sỹ y học, Đại học Y Hà Nội.